

PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG

I. KHÁI NIỆM VỀ HỢP ĐỒNG.

1. Khái niệm hợp đồng.

Hình thức của quan hệ phát sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp chủ yếu là hợp đồng. Vậy. Hợp đồng là gì?

Hợp đồng là sự thoả thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự. (Điều 388 BLDS)

Như vậy, định nghĩa trên, muốn có một hợp đồng người ta phải xem xét ba yếu tố sau:

- *Có tồn tại một sự thỏa thuận hay không.*
- *Giữa các bên là những ai.*
- *Nhằm xác lập, thay đổi hay chấm dứt những quyền và nghĩa vụ cụ thể nào.*

- **Thỏa thuận:** được hiểu là sự thống nhất của các bên về việc thực hiện hay không thực hiện một việc cụ thể.

Muốn thống nhất, các bên phải có cơ hội **bày tỏ ý chí**. Các ý chí phải trùng khớp, thống nhất về một nội dung nhất định, được hiểu rõ đó là nội dung của hợp đồng.

- **Các bên** : được hiểu là hai hay nhiều bên. Một bên có thể là cá nhân hoặc một tổ chức có tư cách pháp nhân. Nếu là cá nhân phải có năng lực hành vi.

- **Nghĩa vụ**: được hiểu là một hoặc nhiều bên phải thực hiện hoặc không được thực hiện một hoặc một số hành vi vì lợi ích của một hoặc nhiều bên có quyền.

2. Chức năng của hợp đồng.

Nói đến chức năng của hợp đồng là nói đến ***vai trò xã hội của hợp đồng***.

Sự ra đời của nền KTTT đòi hỏi chức năng điều tiết, điều chỉnh của hợp đồng giữ vai trò chủ đạo.

Vì hợp đồng chính là hình thức pháp lý thích hợp nhất của trao đổi hàng hóa – tiền tệ, là biện pháp tự điều chỉnh quan trọng nhất đối với quan hệ hàng hòa – tiền tệ giữa các bên tham gia.

Chức năng quan trọng nhất của hợp đồng là *điều tiết, điều chỉnh* quan hệ xã hội. Bên cạnh đó hợp đồng còn có những chức năng khác như:

- Chức năng như một *công cụ pháp lý thể hiện sự sáng tạo và quyền tự định đoạt* của các bên chủ thể.

- Chức năng *thông tin, thể hiện ý chí thống nhất của các bên* về những điều kiện của quan hệ hợp đồng.

- Chức năng **bảo đảm**, vì **hợp đồng đặt ra các biện pháp bảo đảm** nhằm nâng cao trách nhiệm của các bên, đồng thời khắc phục hậu quả do không thực hiện đúng hợp đồng.

- Chức năng **bảo vệ**, vì **hợp đồng có thể tự qui định về các hình thức trách nhiệm** cụ thể trong trường hợp các bên không tuân thủ cam kết: VD: như **phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại**.

3. Khung pháp lý điều chỉnh quan hệ hợp đồng trong kinh doanh.

Khung pháp lý điều chỉnh các quan hệ hợp đồng chính là ***nguồn của pháp luật hợp đồng***.

Nghĩa là tìm thấy các qui định của pháp luật hợp đồng ở đâu, nơi ấy được gọi là nguồn.

Nguồn pháp luật hợp đồng ở VN bao gồm:
- Văn bản pháp luật về hợp đồng.

Gồm: Bộ luật dân sự 2005; Luật thương mại 2005 là hai văn bản cơ bản liên quan đến hợp đồng kinh doanh.

Ngoài ra còn có các văn bản pháp luật khác liên quan đến hợp đồng chuyên ngành như: Luật xây dựng, Luật kinh doanh bảo hiểm, Pháp luật về ngân hàng, Hàng hải...

Về mối quan hệ giữa *luật chung* và *luật chuyên ngành*.

Khi áp dụng thì luật chuyên ngành luôn luôn được ưu tiên áp dụng trước luật chung. Nếu các qui định trong luật chuyên ngành không qui định thì lúc đó mới tìm hiểu các qui định của luật chung để giải quyết. Trong trường hợp luật chung và luật chuyên ngành cùng qui định về một vấn đề thì ưu tiên áp dụng các qui định của luật chuyên ngành.

Trong các văn bản luật về hợp đồng thì Luật thương mại là luật chuyên ngành, còn BLDS là luật chung.

- **Thói quen, tập quán thương mại** cũng được coi là nguồn của hợp đồng trong trường hợp pháp luật không qui định cụ thể.

- Nếu hợp đồng được ký kết với thương nhân nước ngoài thì các bên có thể thỏa thuận **chọn luật áp dụng** cho hợp đồng là luật nước ngoài hoặc các nguyên tắc của pháp luật về hợp đồng.

Khi áp dụng các văn bản này đòi hỏi được đặt ra là không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

4. Phân loại hợp đồng.

- Căn cứ vào **đặc điểm, nội dung của quan hệ pháp luật về quyền và nghĩa vụ chủ thể**, có thể chia thành:

- **Hợp đồng song vụ**: là hợp đồng mà mỗi bên đều có nghĩa vụ đối với nhau, hay nói cách khác, mỗi bên vừa có quyền lại vừa có nghĩa vụ.

Trong hợp đồng song vụ, quyền của bên này đối lập tương ứng với nghĩa vụ của bên kia và ngược lại.

Theo điều 406 BLDS 2005 thì: “**Hợp đồng song vụ là hợp đồng mà mỗi bên đều có nghĩa vụ đối với nhau.**”

- **Hợp đồng đơn vụ**: Theo điều 406 BLDS 2005 thì: “Hợp đồng đơn vụ là hợp đồng mà chỉ một bên có nghĩa vụ.” Ví dụ: hợp đồng tặng cho tài sản...

• Căn cứ vào tính chất **có đi có lại về lợi ích** của các chủ thể, có thể chia thành:

- **Hợp đồng có đền bù**: là loại hợp đồng mà trong đó mỗi bên chủ thể sau khi thực hiện cho bên kia một lợi ích sẽ nhận lại được một lợi ích tương ứng. Thông thường là những hợp đồng song vụ. Ví dụ: hợp đồng thuê nhà, hợp đồng mua bán hàng hóa... (có đi có lại)

- **Hợp đồng không có đền bù**: là hợp đồng mà trong đó một bên nhận được từ bên kia một lợi ích nhưng không phải giao lại một lợi ích nào.

Ví dụ: hợp đồng tặng cho chỉ có hiệu lực khi các bên đã trao cho nhau đối tượng được tặng cho hoặc đã hoàn thành thủ tục chuyển quyền sở hữu.

- Căn cứ vào sự phụ thuộc lẫn nhau về hiệu lực giữa các hợp đồng, có thể chia thành:

- **Hợp đồng chính**: Theo điều 406 BLDS 2005 thì: “Hợp đồng chính là hợp đồng mà hiệu lực không phụ thuộc vào hợp đồng phụ.”

- **Hợp đồng phụ**: Theo điều 406 BLDS 2005 thì: “Hợp đồng phụ là hợp đồng mà hiệu lực phụ thuộc vào hợp đồng chính.”

VD: A mua của B 100 máy vi tính và thuê B bảo trì số máy đó trong thời gian sử dụng.

Cần phân biệt với Phụ lục hợp đồng: là văn bản hướng dẫn một số nội dung của hợp đồng.

- **Hợp đồng có điều kiện:** Hợp đồng có điều kiện là hợp đồng mà việc thực hiện phụ thuộc vào việc phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt một sự kiện nhất định.

Hợp đồng có điều kiện là những hợp đồng mà khi giao kết, bên cạnh việc thỏa thuận về nội dung, các bên còn thỏa thuận để xác định một sự kiện mà khi sự kiện này xảy ra thì hợp đồng này mới có hiệu lực hoặc mới chấm dứt.

Sự kiện mà các bên thỏa thuận phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- + *Sự kiện đó phải mang tính khách quan;*
- + *Nếu là điều kiện đó là công việc phải làm thì phải là những công việc có thể thực hiện được;*
- + *Sự kiện mà các bên thỏa thuận phải là sự kiện phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội.*

VD: Hợp đồng làm đại lý bán xăng dầu, vé máy bay, bán thuốc tân dược... thì phải đáp ứng được các điều kiện do PL qui định hoặc nhà cung cấp qui định.

- *Hợp đồng vì lợi ích của người thứ ba:*

Hợp đồng vì lợi ích của người thứ ba là hợp đồng mà các bên giao kết hợp đồng đều phải thực hiện nghĩa vụ và người thứ ba được hưởng lợi ích từ việc thực hiện nghĩa vụ đó.

Ví dụ: Cha, mẹ mua bảo hiểm cho con.

● Căn cứ vào nội dung của giao dịch, có thể chia thành:

- HĐ mua bán tài sản
- HĐ mua bán nhà;
- HĐ trao đổi tài sản;
- HĐ tặng cho tài sản;
- Hợp đồng vay tài sản;
- HĐ mượn tài sản.
- HĐ thuê tài sản;

- Hợp đồng dịch vụ;
- Hợp đồng vận chuyển;
- Hợp đồng gia công;
- Hợp đồng gửi giữ;
- Hợp đồng bảo hiểm;
- Hợp đồng ủy quyền;
- Hứa thưởng và thi có giải.